* Lấy toàn bộ dữ liệu từ 1 bảng

SELECT \* FROM table\_name;

Ví dụ: SELECT \* FROM customer;

* Lấy toàn bộ dữ liệu của 1 bảng nhưng chỉ lấy 1 số trường nhất định

SELECT field\_names FROM table\_name;

Note: Tên các trường sẽ được ngăn cách bởi dấu ,

Ví dụ: SELECT id, name, phone FROM customers;

* Lấy dữ liệu từ 1 bảng dựa trên 1 điều kiện nào đó

SELECT field\_names FROM table\_name WHERE condition;

Ví dụ: Lấy toàn bộ customer có tuổi >= 18

SELECT \* FROM customers WHERE age >= 18;

* Lấy dữ liệu từ bảng nhưng phải thỏa mãn đồng thời nhiều điều kiện

SELECT field\_names FROM table\_name WHERE condition1 AND condition2 AND … AND conditionn;

* Lấy dữ liệu từ bảng, các bản ghi được lấy thỏa mãn ít nhất 1 trong nhiều điều kiện

SELECT field\_names FROM table\_name WHERE condition1 OR condition2 OR … OR conditionn;

* Lấy dữ liệu từ bảng và loại bỏ các bản ghi trùng nhau

SELECT DISTINCT field\_names FROM table\_name;

* Lấy dữ liệu từ bảng sao cho 1 trường của bản ghi có giá trị nằm trong tập giá trị có trước

SELECT field\_names FROM table\_name WHERE field\_name IN (values);

Note: Các giá trị trong tập giá trị được ngăn cách bởi dấu ,

* Tìm kiếm bản ghi thỏa mãn điều kiện
  + Tìm kiếm bản ghi có 1 trường bắt đầu bằng 1 từ hoặc ký tự nào đó

SELECT field\_names FROM table\_name WHERE field\_name LIKE ‘SearchCharacter%’;

* + Tìm kiếm bản ghi có 1 trường kết thúc bằng 1 từ hoặc ký tự nào đó

SELECT field\_names FROM table\_name WHERE field\_name LIKE ‘%SearchCharacter’;

* + Tìm kiếm bản ghi có 1 trường chứa 1 từ hoặc ký tự nào đó

SELECT field\_names FROM table\_name WHERE field\_name LIKE ‘%SearchCharacter%’;

* Lấy ra các bản ghi của bảng và sắp xếp theo tiêu chí nào đó tăng dần hoặc giảm dần

SELECT field\_names FROM table\_name ORDER BY field\_names DESC||ASC;

* Lấy một số lượng bản ghi nhất định trong bảng, bắt đầu lấy từ vị trí nào đó
  + Bắt đầu từ vị trí 0

SELECT field\_names FROM table\_name LIMIT number\_record;

* + Bắt đầu từ vị trí n

SELECT field\_name FROM table\_name LIMIT start, number\_record;

SELECT field\_name FROM table\_name LIMIT number\_record OFFSET start;

* Built-in function
  + Một số built-in function
    - MAX(): Tìm giá trị lớn nhất
    - MIN(): Tìm giá trị nhỏ nhất
    - COUNT(): Đếm số bản ghi
    - SUM(): tinh tổng
    - AVG(): tính trung bình
    - DATE(): Lấy ngày, tháng, năm theo định dạng Y-m-d
    - NOW(): Lấy thời điểm hiện tại
    - …
  + Câu lệnh

SELECT built-in-function FROM table\_name;

SELECT built-in-function FROM table\_name GROUP BY field\_name;

SELECT built-in-function FROM table\_name GROUP BY field\_name HAVING condition;

* Đặt tên cho 1 trường: AS

SELECT field\_name AS name\_u\_want FROM table\_name;

* Lấy các bản ghi từ 1 bảng theo từng nhóm

SELECT field\_names FROM table\_name GROUP BY field\_names;

* Lấy các bản ghi từ 1 bảng theo từng nhóm thỏa mãn điều kiện nào đó

SELECT field\_names FROM table\_name WHERE condition GROUP BY field\_names;

Lưu ý đối với GROUP BY:

* SELECT trường nào thì sẽ phải GROUP BY trường đó ngoại trừ các built-in function.
* GROUP BY trường nào thì sẽ phải SELECT trường đó.
* HAVING: để xét điều kiện trên 1 trường được ra do built-in function

SELECT field\_names FROM table\_name GROUP BY field\_name HAVING condition\_with\_field\_created\_by\_built\_in\_function;

* Lấy bản ghi với điều kiện một trường nào đó NULL

SELECT field\_names FROM table\_name WHERE field\_name IS NULL;

* Lấy bản ghi với điều kiện một trường nào đó không bị NULL

SELECT field\_names FROM table\_name WHERE field\_name IS NOT NULL;